

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hình.

Bà Hà Thị Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8
- Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 317/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2025/QĐXXST-DS ngày 24/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2025/QĐST-DS ngày 12/12/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị S, sinh ngày 08/3/1994. Số CCCD: 030194002xxx. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn H, sinh ngày 11/10/1990. Số CCCD: 030090009xxx. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1971. Số CCCD: 030171001xxx. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ thường trú: Thôn V, xã H, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Chị và anh Bùi Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã H, thành phố Hải Phòng)

vào ngày 08/6/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, mỗi lần nói chuyện, vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2022, không quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Đến nay, chị S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Bùi Quang H1, sinh ngày 21/11/2012 và cháu Bùi Quang H2, sinh ngày 20/6/2019, hiện nay chị đang chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H2, mẹ đẻ của anh H đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Quang H1. Chị đề nghị Tòa án giao cháu H2 cho chị tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, giao cháu H1 cho anh H chăm sóc và nuôi dưỡng, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Trong thời gian anh H đi làm, chị đồng ý giao cháu H1 cho mẹ đẻ của anh H là bà Lê Thị Đ chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ: không đề nghị giải quyết.

Toà án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng anh H không đến làm việc, không có quan điểm.

Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh Bùi Văn H là bà Lê Thị Đ (mẹ đẻ của anh H); địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố Hải Phòng.

Bà Lê Thị Đ cung cấp: Chị Nguyễn Thị S trình bày về điều kiện kết hôn giữa chị S và anh H là đúng. Sau khi kết hôn, chị S về sinh sống cùng gia đình bà, khoảng năm 2019 anh H, chị S vào miền Nam làm kinh tế; năm 2024 chị S đưa hai con về quê sinh sống, anh H vẫn về thăm mẹ con chị S. Sau khi chị S về quê, chị S xin phép bà đưa cháu H2 về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, bà đồng ý, do vậy chị S và bà H2 về nhà bố mẹ đẻ chị S sống, cháu H1 ở cùng nhà bà. Khoảng tháng 8 năm 2025, chị S trao đổi với bà về việc chị S và anh H mâu thuẫn, chị S xin ly hôn anh H; bà đã liên lạc với anh H thì anh H cho rằng vợ chồng mỗi người sống một nơi, không có sự tin tưởng về tình cảm nên thường xuyên cãi vã, nay chị S có đơn xin ly hôn, anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện anh H vẫn có địa chỉ thường trú tại thôn V, xã H, thành phố Hải Phòng, anh H không tạm trú tại địa phương khác, anh H đề nghị Tòa án gửi giấy triệu tập, các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H về cho gia đình bà, bà sẽ thông báo cho anh H được biết.

Về con chung: Chị S và anh H có 02 con chung là Bùi Quang H1, sinh ngày 21/11/2012 và cháu Bùi Quang H2, sinh ngày 20/6/2019, hiện nay chị S đang chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H2, bà đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Quang H1 thay anh H. Anh H có quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu H1 cho anh chăm sóc và nuôi dưỡng; giao cháu H2 cho chị S chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi

các con chung đủ 18 tuổi. Anh H và chị S không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Về tài sản chung: Chị S và anh H không có tài sản chung.

UBND xã H, thành phố Hải Phòng cung cấp: Chị Nguyễn Thị S và anh Bùi Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã H, thành phố Hải Phòng) vào ngày 08/6/2012. Sau khi kết hôn, chị S và anh H sinh sống tại địa phương, thời gian gần đây, anh H đi lao động tại miền Nam, anh H thường xuyên về gia đình. Về mâu thuẫn cụ thể giữa chị S và anh H, đề nghị Tòa án xác minh mâu thuẫn của chị S và anh H thông qua gia đình anh H. Về con chung: Chị S và anh H có 02 con chung là Bùi Quang H1, sinh ngày 21/11/2012 và cháu Bùi Quang H2, sinh ngày 20/6/2019, hiện nay chị S đang chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H2, bà Đ là mẹ đẻ anh H đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Quang H1.

Tại Công văn số 23733/QLXNC-P3 ngày 17/11/2025 của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thể hiện anh Bùi Văn H, sinh năm 1990, CCCD số 030090009xxx không có thông tin cấp hộ chiếu, xuất nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Các đương sự chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S, xử cho chị Nguyễn Thị S ly hôn anh Bùi Văn H. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị S nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Quang H2, sinh ngày 20/6/2019; giao cho anh Bùi Văn H nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Quang H1, sinh ngày

21/11/2012 cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị S và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau. Tạm giao cháu Bùi Quang H1, sinh ngày 21/11/2012 cho bà Lê Thị Đ nuôi dưỡng và giáo dục trong thời gian anh H không có mặt tại địa phương. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Đ về việc không yêu cầu anh Bùi Văn H, chị Nguyễn Thị S cấp dưỡng tiền nuôi cháu H1 trong thời gian anh H không có mặt tại địa phương. Chị S và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị S khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn H có địa chỉ cư trú tại: Thôn V, xã H, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng; đồng thời xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị S và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đ có đề nghị vắng mặt; bị đơn anh Bùi Văn H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Bùi Văn H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay

là UBND xã H, thành phố Hải Phòng) vào ngày 08/6/2012 nên là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào đơn xin ly hôn, bản tự khai của chị S, biên bản xác minh tại địa phương, lời khai của bà Đ (là mẹ đẻ của anh H) có căn cứ xác định vợ chồng chị S và anh H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Năm 2019, anh chị cùng đi làm kinh tế tại miền Nam; đến năm 2024 chị S về địa phương sinh sống nhưng không về sống cùng gia đình anh H, vợ chồng mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh H đã được bà Đ thông báo về việc chị S xin ly hôn, anh H đồng ý. Hội đồng xét xử thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm nhau trong cuộc sống, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị S, xử cho chị S ly hôn anh H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị S và anh H có hai con chung là Bùi Quang H1, sinh ngày 21/11/2012 và cháu Bùi Quang H2, sinh ngày 20/6/2019, hiện nay chị S đang chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H2, bà Đ đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1 thay anh H. Chị S đề nghị Tòa án giao cháu H2 cho chị tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, giao cháu H1 cho anh H chăm sóc và nuôi dưỡng, anh H và chị S không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Thông qua gia đình, anh H nhất trí với quan điểm của chị S. Trong thời gian anh H không có mặt tại địa phương, anh H nhờ mẹ đẻ là bà Đ thay anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1. Bà Đ đồng ý với quan điểm của chị S và anh H.

Hội đồng xét xử thấy thực tế chị S đang chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H2, còn cháu H1 đang sống cùng bà Đ; cháu H1 có quan điểm xin được ở cùng bố và bà nội; chị S đề nghị Tòa án tạm giao cháu H1 cho bà Đ chăm sóc trong thời gian anh H không có nhà nên căn cứ quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu H2 cho chị S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu H1 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị S và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Tạm giao cháu H1 cho bà Đ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trong thời gian anh H không có mặt tại địa phương. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Đ về việc không yêu cầu anh H, chị S cấp dưỡng tiền nuôi cháu H1 trong thời gian anh H không có mặt tại địa phương.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị S là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S, xử cho chị Nguyễn Thị S ly hôn anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị S nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Quang H2, sinh ngày 20/6/2019; giao cho anh Bùi Văn H nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Quang H1, sinh ngày 21/11/2012 cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị S và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Tạm giao cháu Bùi Quang H1, sinh ngày 21/11/2012 cho bà Lê Thị Đ nuôi dưỡng và giáo dục trong thời gian anh H không có mặt tại địa phương. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Đ về việc không yêu cầu anh Bùi Văn H, chị Nguyễn Thị S cấp dưỡng tiền nuôi cháu H1 trong thời gian anh H không có mặt tại địa phương.

Chị S và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba*

trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E, số 0003802 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị S đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị S, anh Bùi Văn H, bà Lê Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 -Hải Phòng;
- UBND xã H, thành phố Hải Phòng (kết hôn năm 2012 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh